

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toàn

Ông Lê Hữu Đại

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Không.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L; sinh năm: 1987; HKTT: Thôn Minh H, xã Minh S, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Đình H; sinh năm: 1979; HKTT: Thôn Minh H, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị L, anh H. Chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Trịnh Đình H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 16/10/2013 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh H không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, rượu chè, cờ bạc, lô đề. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không có con nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Trịnh Đình H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Đình H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Chị Bùi Thị L đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Trịnh Đình H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2013 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá thực trạng về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không tìm ra biện pháp khắc phục mà đã sống ly thân từ tháng 04/2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Về phía anh H biết việc chị L làm đơn xin ly hôn và Toà án đã ra thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh H không đến Toà án làm việc, không giao nộp văn bản nêu ý kiến, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không đến tham gia phiên tòa. Điều này thể hiện anh H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và có ý bỏ mặc. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy,

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh H không có con chung.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Bùi Thị L được ly hôn anh Trịnh Đình H.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000163 ngày 02/6/2022. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị L, anh H. Chị L, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình